

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----☪☪☪-----

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
SONADEZI CHÂU ĐỨC

*Trụ sở: Tầng 9, Cao ốc Sonadezi, Số 1, Đường 1,
KCN Biên Hoà 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai*

Điện thoại: 84.61.8860788 – Fax: 84.61.8860783



Sửa đổi bổ sung lần thứ tám, có hiệu lực từ ngày 31 tháng 03 năm 2017

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Định nghĩa	1
CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH VÀ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỦA CÔNG TY	1
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.....	1
CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG	2
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	2
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	4
CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	4
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần	4
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu.....	5
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	5
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần.....	5
Điều 9. Thu hồi cổ phần.....	5
CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	6
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát.....	6
CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	6
Điều 11. Quyền của cổ đông	6
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông.....	7
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	8
Điều 15. Các đại diện được ủy quyền	9
Điều 16. Thay đổi các quyền.....	10
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 20. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 21. Điều kiện để nghị quyết được thông qua	13
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	15
CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	15
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	15
Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	16
Điều 27. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	17
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị	17

9
T
A
D
Đ
T

mu

Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	18
Điều 30. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	20
CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC	20
Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý	20
Điều 32. Người quản lý.....	21
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn Tổng giám đốc	21
CHƯƠNG IX: TRÁCH NHIỆM VÀ LỢI ÍCH CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÓ LIÊN QUAN	22
Điều 34. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.....	22
Điều 35. Công khai lợi ích liên quan.....	22
Điều 36. Trách nhiệm của người quản lý công ty	23
Điều 37. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc	23
Điều 38. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận	24
CHƯƠNG X: BAN KIỂM SOÁT	24
Điều 39. Ban kiểm soát	24
Điều 40. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên	24
Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	25
Điều 42. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	26
Điều 43. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên.....	26
Điều 44. Trách nhiệm của Kiểm soát viên	26
Điều 45. Đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	27
CHƯƠNG XI: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	27
Điều 46. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	27
CHƯƠNG XII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ XỬ LÝ LỖ TRONG KINH DOANH	28
Điều 47. Phân phối lợi nhuận	28
Điều 48. Xử lý trong trường hợp kinh doanh thua lỗ	28
CHƯƠNG XIII: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	28
Điều 49. Tài khoản ngân hàng	28
Điều 50. Năm tài chính	28
Điều 51. Chế độ kế toán	29
CHƯƠNG XIV: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	29
Điều 52. Báo cáo hàng năm, sáu (06) tháng và hàng quý	29
Điều 53. Báo cáo thường niên.....	29
CHƯƠNG XV: KIỂM TOÁN.....	29
Điều 54. Kiểm toán	29
CHƯƠNG XVI: CON DẤU	30
Điều 55. Con dấu.....	30
CHƯƠNG XVII. CÁC TRƯỜNG HỢP GIẢI THỂ, TRÌNH TỰ GIẢI THỂ VÀ THỦ TỤC THANH LÝ TÀI SẢN CÔNG TY	30

Điều 56. Các trường hợp và điều kiện giải thể.....	30
Điều 57. Trình tự, thủ tục giải thể.....	30
Điều 58. Giải thể trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án.....	31
Điều 59. Thanh lý tài sản Công ty.....	32
CHƯƠNG XVIII: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	32
Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	32
CHƯƠNG XIX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	32
Điều 61. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	32
CHƯƠNG XX: NGÀY HIỆU LỰC.....	33
Điều 62. Ngày hiệu lực.....	33

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức (dưới đây gọi là “Công ty”), là Công ty cổ phần, được thành lập theo Luật doanh nghiệp. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại và được quy định tại Điều 5 của Điều lệ.
 - b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
 - c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu, ngày 26/06/2007.
 - d. "Người quản lý" bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc Chi nhánh.
 - e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.
 - f. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH VÀ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI CHÂU ĐỨC**
 - Tên tiếng Anh : **SONADEZI CHAU DUC SHAREHOLDING COMPANY**
 - Tên giao dịch : **Sonadezi Châu Đức**
 - Tên viết tắt : **SZC**
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: Tầng 9, Cao ốc Sonadezi, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại : (84.61) 8860788
- Fax : (84.61) 8860783
- E-mail : chauduc@sonadezi.com.vn
- Website : www.sonadezichauduc.com.vn

4. Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Đầu tư phát triển đô thị công nghiệp, khu công nghiệp, khu dân cư và sân golf;
- Kinh doanh công trình kết cấu hạ tầng;
- Khảo sát, đo vẽ địa hình, khoan thăm dò địa chất;
- Tư vấn thiết kế, quy hoạch, lập dự án đầu tư;
- Tư vấn quản lý dự án, giám sát, thẩm định, kiểm định công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và giao thông;
- Thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và giao thông;
- Dịch vụ du lịch; kinh doanh nhà hàng, khách sạn, cao ốc, văn phòng cho thuê;
- Kinh doanh kho bãi, dịch vụ vận tải;
- Cung cấp nước;
- Khai thác, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Đào tạo dạy nghề;
- Dịch vụ tư vấn, bảo vệ môi trường;
- Đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác; hoạt động cho thuê tài chính;
- Mua bán, cho thuê nhà xưởng;
- Kinh doanh khu giải trí, thể dục thể thao;
- Giao dịch mua bán, chuyển nhượng, cho thuê bất động sản, môi giới bất động sản, định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, quảng cáo bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản, sàn giao dịch bất động sản;
- Kinh doanh và cung cấp dịch vụ quảng cáo, hoạt động sản xuất chương trình truyền hình, chiếu phim, và các dịch vụ gia tăng viễn thông.

Danh mục lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh mã hoá theo Quy định 10/2007/QĐ-TTG ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam:

STT	Tên ngành	Mã số
1	Xây dựng nhà các loại	4100
2	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
3	Xây dựng công trình công ích	4220
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
5	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
6	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan - Khảo sát, đo vẽ địa hình, khoan thăm dò địa chất - Tư vấn thiết kế, quy hoạch, lập dự án đầu tư - Tư vấn quản lý dự án, giám sát, thẩm định, kiểm định công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông	7110
7	Đại lý du lịch	7911
8	Điều hành tua du lịch	7912
9	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
10	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Kinh doanh khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở)	5510
11	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
12	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu - Dịch vụ tư vấn môi trường	7490
13	Chuẩn bị mặt bằng	4312
14	Lắp đặt hệ thống điện	4321
15	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
16	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
17	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
18	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
19	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
20	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
21	Thu gom rác thải không độc hại	3811
22	Thu gom rác thải độc hại (trừ rác thải y tế)	3812
23	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
24	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (trừ rác thải y tế)	3822
25	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
26	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
27	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
28	Dịch vụ ăn uống khác	5629
29	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
30	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
31	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
32	Hoạt động thể thao khác	9319
33	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
34	Giáo dục thể thao và giải trí	8551

STT	Tên ngành	Mã số
35	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (khai thác cát hoạt động ngoài Tỉnh)	0810
36	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
37	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
38	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
39	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
40	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5221
41	Quảng cáo	7310
42	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
43	Tổ chức xúc tiến và giới thiệu thương mại	8230
44	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu - Hoạt động hỗ trợ khác cho kinh doanh chưa được phân vào đâu	8299
45	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất - Môi giới bất động sản, tư vấn bất động sản, quảng cáo bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản, sản giao dịch bất động sản	6820

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Công ty được thành lập để đầu tư xây dựng phát triển khu công nghiệp đô thị, khu dân cư và các dịch vụ có liên quan để không ngừng phát triển, tạo việc làm ổn định cho người lao động, bảo đảm lợi ích cho các cổ đông, góp phần tăng thu ngân sách, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương và cả nước.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm.

CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 1.000.000.000.000 đồng (một ngàn tỷ đồng chẵn).

2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 100.000.000 (một trăm triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (mười ngàn đồng một cổ phần).

3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Điều lệ này.

5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ

đồng hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo quy định của pháp luật. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

9. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 20% vốn điều lệ Công ty.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty và dấu của Công ty. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời gian hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười (10) triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, Người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu cổ đông đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, hư hại, hỏng và sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty và dấu của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn đối với số cổ phần đã đăng ký mua, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán theo quy định tại Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định tại Điều 112 Luật Doanh nghiệp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát;
- d. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
- b. Nhận cổ tức với mức theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
- d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
- e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Các quyền đối với các loại cổ phần khác theo quy định của pháp luật.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 2 Điều 25 và khoản 1 Điều 45 của Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông;

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;

4. Cung cấp thông tin cá nhân và địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần và khi có sự thay đổi;

5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự để tư vấn cho việc thông qua báo cáo tài chính năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên của Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định trong Điều lệ;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 11 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 159 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại mục c khoản 3 Điều 13 của Điều lệ này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại mục d và mục e khoản 3 Điều 13 của Điều lệ.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại mục a khoản 4 Điều 13 của Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại mục b khoản 4 Điều 13 của Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại mục d khoản 3 Điều 13 của Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ: